

Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng  
Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value  
Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)  
(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh  
To: - State Securities Commission of Vietnam  
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ:  
Fund Management Company:
- Tên Ngân hàng giám sát:  
Supervising bank:
- Tên Quỹ:  
Fund name:
- Mã chứng khoán:  
Securities code:
- Kỳ báo cáo:  
Reporting Period:
- Ngày lập báo cáo:  
Reporting Date:

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**  
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam  
Kỳ Khởi Nghĩa  
QUỸ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND  
KIM GROWTH VN DIAMOND ETF  
FUEKIVND  
Từ 03/05/2024 đến 09/05/2024  
From 03-May-2024 to 09-May-2024  
10/05/2024  
10-May-2024

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỶ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD	KỶ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD
		09/05/2024	02/05/2024
<b>I</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV)</b>		
<b>1</b>	<b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b>		
1.1	của quỹ/per Fund	59,620,195,804	58,303,697,450
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate	1,169,023,447	1,143,209,753
1.3	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	11,690.23	11,432.09
<b>2</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b>		
2.1	của quỹ/per Fund	60,317,489,610	59,620,195,804
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate	1,182,695,874	1,169,023,447
2.3	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	11,826.95	11,690.23
<b>3</b>	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:</b>		
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ	697,293,806	1,316,498,354
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ	-	-
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	-	-
<b>4</b>	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước</b>	136.72	258.14
<b>5</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b>		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	60,609,634,237	59,747,403,055
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	55,272,709,450	55,272,709,450
<b>II</b>	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một</b>		
<b>1</b>	<b>Giá trị đầu kỳ</b>	11,370.00	11,200.00
<b>2</b>	<b>Giá trị cuối kỳ</b>	11,770.00	11,370.00
<b>3</b>	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b>	400	170
<b>4</b>	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên</b>		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)	-56.95	-320.23
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/Relative difference	-0.48%	-2.74%
<b>5</b>	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b>		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	11,770	11,370
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	11,220	11,220

  
Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
Authorized Representative of Supervisory Bank  
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Lê Đoàn Nhật Quang  
Phó Giám đốc Chi nhánh

  
Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ  
Authorized Representative of Fund Management  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Yun Hang Jin  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN